

Số: 217/KH-UBND

Xã Nguyễn Việt Khái, ngày 21 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Nguyễn Việt Khái giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Thực hiện Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn xã giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của địa phương; xác định rõ nội dung, tiến độ, sản phẩm, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, dữ liệu là tài nguyên, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo là công cụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ Nhân dân; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công dân số gắn với cải cách hành chính và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Kế thừa, khai thác hiệu quả hạ tầng, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung do Trung ương, tỉnh triển khai; hạn chế đầu tư riêng lẻ, trùng lặp; tăng cường phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số và huy động nguồn lực hợp pháp trong xã hội.

2. Yêu cầu

Triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả; nhiệm vụ phải gắn với nhu cầu quản lý, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và nhu cầu số của người dân, doanh nghiệp.

Tuân thủ kiến trúc số, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước; ưu tiên sử dụng nền tảng số dùng chung của tỉnh.

Dữ liệu do xã tạo lập phải được cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ, thống nhất và có khả năng chia sẻ, tái sử dụng; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, cá nhân trong từng khâu tạo lập, số hóa, cập nhật, khai thác và bảo quản dữ liệu.

Thường xuyên kiểm tra, đo lường, đánh giá kết quả bằng chỉ tiêu và sản phẩm cụ thể; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh nhiệm vụ phù hợp tình hình thực tế và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng chính quyền số cấp xã thống nhất, thông suốt, hiện đại, hoạt động dựa trên dữ liệu; chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, xử lý, ký số, lưu trữ và theo dõi công việc trên môi trường điện tử. Phổ cập hạ tầng, kỹ năng và dịch vụ số thiết yếu; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, góp phần thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực cạnh tranh của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2027

2.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của xã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo danh mục do cấp có thẩm quyền công bố.

- 100% hồ sơ, giấy tờ, thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đủ điều kiện được kết nối, chia sẻ, tái sử dụng khi hệ thống cấp tỉnh đáp ứng; hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

- Phấn đấu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% hồ sơ công việc của UBND xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân trong giải quyết công việc, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc trường hợp pháp luật quy định khác.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường số; 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

- 100% cán bộ trực tiếp tham mưu công nghệ thông tin, chuyển đổi số được tạo điều kiện tham gia đào tạo kiến thức quản trị dữ liệu ở mức cơ bản.

2.2. Kinh tế số

- Phấn đấu 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng ít nhất một nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử hoặc thanh toán số.

- Phấn đấu tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt trong hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn đạt 50%; tăng số sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP đủ điều kiện được quảng bá, giao dịch trên nền tảng số.

2.3. Xã hội số

- Phần đầu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép.
- Phần đầu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 80%.
- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông phần đầu mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 50% dân số trên địa bàn.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

3.1. Chính quyền số

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được số hóa, lưu trữ điện tử và tái sử dụng theo quy định; phần đầu 99% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% cơ quan, đơn vị thuộc xã sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công.
- 100% cán bộ, công chức có hồ sơ điện tử theo quy định; được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số; có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ khi triển khai.
- Tối thiểu 70% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng công cụ số thông minh, trợ lý ảo trong xử lý công việc; 100% cán bộ trực tiếp tham mưu chuyển đổi số được cập nhật công nghệ số và kiến thức quản trị dữ liệu.
- 100% dữ liệu thuộc trách nhiệm tạo lập, cập nhật của xã được chuẩn hóa, cập nhật đúng thời hạn và sẵn sàng kết nối, chia sẻ theo phân quyền; 100% nhiệm vụ do UBND xã, Chủ tịch UBND xã giao được theo dõi trên môi trường số.
- Hoàn thiện mô hình chính quyền số cấp xã theo hướng một nguồn dữ liệu, một quy trình, khai thác các nền tảng dùng chung; ứng dụng AI ở mức phù hợp trong hỗ trợ cán bộ và phục vụ người dân khi các hệ thống của tỉnh được triển khai.

3.2. Kinh tế số

- Phần đầu trên 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử hoặc thanh toán số.
- Phần đầu tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt trong thương mại - dịch vụ đạt trên 70%; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện tham gia các sàn thương mại điện tử và kênh bán hàng số.
- Ưu tiên nhân rộng mô hình chuyển đổi số phù hợp trong nông nghiệp, thủy sản, thương mại - dịch vụ và các lĩnh vực có lợi thế của xã.

3.3. Xã hội số

- Phối hợp phân đầu hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.

- Phân đầu tối thiểu 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép; trên 70% dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Phân đầu 100% người dân được lập Sổ sức khỏe điện tử; 95% người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- 100% người dân có khả năng tiếp cận thông tin chính thống của tỉnh, của xã trên nền tảng số; 100% hộ gia đình có kết nối Internet được tuyên truyền, hướng dẫn tiếp cận nền tảng truyền hình số quốc gia.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của xã; phân công rõ trách nhiệm, địa bàn, lĩnh vực và chỉ tiêu theo dõi; gắn kết quả chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu.

Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và chương trình công tác hằng năm; tổ chức giao ban, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc.

Theo dõi tiến độ bằng dữ liệu, biểu mẫu điện tử và hệ thống dùng chung; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức thực hiện thể chế số

Rà soát, tổ chức thực hiện đầy đủ quy định, quy chế của Trung ương và tỉnh về chuyển đổi số, giao dịch điện tử, quản trị dữ liệu, khai thác nền tảng số; kịp thời đề xuất sửa đổi quy trình nội bộ không còn phù hợp.

Ban hành hoặc cập nhật quy chế quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, dữ liệu và thiết bị công nghệ thông tin thuộc phạm vi quản lý; quy định trách nhiệm cập nhật dữ liệu, sử dụng chữ ký số, lưu trữ hồ sơ điện tử.

Ưu tiên thuê dịch vụ, sử dụng nền tảng dùng chung và huy động nguồn lực hợp pháp; mọi đề xuất đầu tư phải bảo đảm cần thiết, hiệu quả, không trùng lặp và phù hợp tiêu chuẩn của tỉnh.

3. Phát triển hạ tầng số

Rà soát, nâng cấp thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ, đường truyền, thiết bị phục vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; khai thác hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng và các hệ thống dùng chung.

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông rà soát vùng lùm sóng, chất lượng cáp quang, 4G/5G; tạo điều kiện triển khai hạ tầng viễn

thông theo quy định, ưu tiên địa bàn khó khăn, khu vực thường chịu ảnh hưởng thiên tai.

Phối hợp thực hiện lộ trình IPv6 và sử dụng chung hạ tầng số khi có hướng dẫn; xây dựng phương án duy trì hoạt động, sao lưu dữ liệu và bảo đảm kết nối liên tục trong tình huống sự cố, thiên tai.

4. Phát triển dữ liệu số và nền tảng số dùng chung

Xác định xã là đơn vị tạo lập dữ liệu gốc đối với thông tin phát sinh thuộc thẩm quyền; tổ chức số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

Khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, iOffice, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo phân quyền; tái sử dụng dữ liệu, giảm giấy tờ và yêu cầu khai báo lại.

Phân công đầu mối dữ liệu theo lĩnh vực; thực hiện kiểm tra chất lượng dữ liệu định kỳ; cung cấp, chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu dùng chung, IOC và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khi có yêu cầu, đúng thẩm quyền.

Từng bước khai thác nền tảng trợ lý AI công vụ, báo cáo động và công cụ phân tích dữ liệu do tỉnh triển khai; kiểm soát nguồn dữ liệu đầu vào, kiểm chứng kết quả và không đưa bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân trái quy định lên công cụ công cộng.

5. Phát triển nhân lực số và công dân số

Tổ chức hoặc cử 100% cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng kỹ năng số, dữ liệu số, AI và khai thác nền tảng dùng chung; ưu tiên người trực tiếp tham mưu chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính và quản trị dữ liệu.

Triển khai Chương trình Bình dân học vụ số theo hướng học đi đôi với thực hành; hướng dẫn người dân sử dụng định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số cá nhân, thanh toán số, Sổ sức khỏe điện tử và kỹ năng phòng tránh lừa đảo trực tuyến.

Củng cố Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp; phân công chỉ tiêu, tài liệu, nhóm đối tượng và lịch hỗ trợ; huy động đoàn thể, trường học, doanh nghiệp viên thông tham gia phổ cập kỹ năng số.

6. Phối hợp bảo đảm an toàn dữ liệu và môi trường số

Phối hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, tài khoản, thiết bị và dữ liệu; quản lý chặt chẽ quyền truy cập, mật khẩu, chữ ký số; sao lưu và báo cáo sự cố theo quy trình.

Tuyên truyền nhận diện tin giả, mã độc, lừa đảo trực tuyến, giả mạo bằng công nghệ deepfake...; hướng dẫn cán bộ và người dân sử dụng dịch vụ số an toàn. Nội dung chuyên môn về an toàn thông tin, an ninh mạng thực hiện theo phân công của cơ quan có thẩm quyền.

7. Phát triển chính quyền số

Chuẩn hóa toàn bộ quy trình tiếp nhận, xử lý, ký sổ, phát hành, lưu trữ và theo dõi hồ sơ công việc; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa kết quả và tái sử dụng dữ liệu.

Tổ chức hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; không làm thay người dân khi tạo tài khoản, ký sổ hoặc xác nhận giao dịch; chú trọng người cao tuổi, người khuyết tật và người ít kỹ năng số.

Sử dụng thống nhất iOffice và nền tảng quản trị do tỉnh triển khai để giao việc, theo dõi tiến độ, tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả; triển khai KPI và trợ lý AI công vụ theo lộ trình, hướng dẫn của tỉnh.

Duy trì, nâng cao chất lượng Trang thông tin điện tử và các kênh số chính thống của xã; công khai thông tin, thủ tục hành chính, kết quả chỉ đạo điều hành và tiếp nhận phản ánh theo quy định.

8. Phát triển kinh tế số và xã hội số

Khảo sát nhu cầu, lập danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cần hỗ trợ; phối hợp hướng dẫn sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, sàn thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm trên môi trường số.

Lựa chọn mô hình chuyển đổi số phù hợp trong nông nghiệp, thủy sản, thương mại - dịch vụ; hỗ trợ sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP đủ điều kiện xây dựng nội dung số, mã QR và kết nối thị trường.

Phối hợp Trạm Y tế triển khai Sổ sức khỏe điện tử; phối hợp trường học phát triển học liệu số, kỹ năng số và ứng dụng AI có trách nhiệm; thúc đẩy chi trả, thu phí và thanh toán số trong các dịch vụ thiết yếu.

Thực hiện rà soát, thống kê, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số theo hướng dẫn của cơ quan cấp tỉnh; bảo đảm số liệu có nguồn, có thể kiểm tra và cập nhật định kỳ.

9. Tuyên truyền và nhân rộng mô hình

Xây dựng chuyên mục, tin, bài, tài liệu trực quan trên Trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh, mạng xã hội chính thống và tại các cuộc sinh hoạt cộng đồng; tập trung lợi ích thiết thực, kỹ năng thao tác và cảnh báo rủi ro.

Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày hội toàn dân học tập số và hoạt động liên quan; phát hiện, biểu dương, đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân, Tổ công nghệ số cộng đồng có mô hình, cách làm hiệu quả.

Tăng cường phối hợp, học tập kinh nghiệm trong nước; tiếp nhận, áp dụng mô hình, giải pháp phù hợp do tỉnh và cơ quan chuyên môn giới thiệu. Hoạt động hợp tác quốc tế thực hiện khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc cho phép.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong dự toán chi thường xuyên, kế hoạch đầu

tư công và các chương trình, đề án có liên quan; đồng thời huy động các nguồn tài trợ, hỗ trợ và nguồn lực hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số; tham mưu công tác tuyên truyền, phát triển kỹ năng số, Tổ công nghệ số cộng đồng, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng thông tin và bưu chính theo chức năng. Định kỳ tổng hợp kết quả, tham mưu báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có thẩm quyền; đề xuất sơ kết, tổng kết, điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Chủ trì tham mưu số hóa quy trình điều hành, xử lý văn bản, theo dõi nhiệm vụ, hồ sơ điện tử, chữ ký số và lưu trữ điện tử; phối hợp khai thác iOffice, nền tảng quản trị, trợ lý AI công vụ và dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành. Phối hợp lồng ghép chuyển đổi số với cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Tổ chức cung cấp, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả, thanh toán trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu; theo dõi sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; đề xuất đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình và phối hợp triển khai ứng dụng AI trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính khi được tỉnh đưa vào sử dụng.

4. Phòng Kinh tế

Chủ trì, phối hợp tham mưu bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định. Phối hợp hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, thủy sản, thương mại, hợp tác xã, hộ kinh doanh; triển khai thanh toán số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và mô hình kinh tế số phù hợp.

5. Công an xã

Chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ Đề án 06, định danh và xác thực điện tử, khai thác dữ liệu dân cư theo thẩm quyền; tuyên truyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tội phạm và lừa đảo trên không gian mạng; phối hợp xử lý sự cố, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu theo quy định.

6. Trung tâm Công ích

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số, góp phần chuyển đổi nhận thức của xã hội thông qua các kênh truyền thông tại địa phương; tập trung phổ biến chủ trương, chính sách, mô hình, kết quả triển khai chuyển đổi số.

7. Trạm Y tế, các trường học và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn

Căn cứ chức năng tổ chức chuyển đổi số chuyên ngành; cập nhật dữ liệu đúng quy định; triển khai Sổ sức khỏe điện tử, học liệu số, thanh toán số và phổ cập kỹ năng số; phối hợp cung cấp số liệu, báo cáo kết quả thực hiện.

8. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia chuyển đổi số, Bình dân học vụ số, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến...; giám sát, phản ánh nhu cầu và đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm yếu thế.

9. Tổ công nghệ số cộng đồng

Trực tiếp tuyên truyền, hướng dẫn theo phương châm đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người; rà soát nhóm cần hỗ trợ, tổ chức hỗ trợ tại cộng đồng; cập nhật kết quả báo cáo khi có yêu cầu.

10. Các doanh nghiệp viễn thông, bưu chính, ngân hàng trên địa bàn

Phối hợp phát triển hạ tầng, khắc phục vùng lõm sóng, cung cấp dịch vụ số, chữ ký số, thanh toán số; phối hợp tham gia đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, phổ cập kỹ năng số và thí điểm mô hình phù hợp trên cơ sở tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi người sử dụng.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã Nguyễn Việt Khái giai đoạn 2026-2030. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 13/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái về thực hiện chuyển đổi số xã Nguyễn Việt Khái giai đoạn 2026-2030)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KHCN (b/c);
- CT và các PCT UBND xã;
- Các đơn vị tại Mục V;
- Lưu: VT (L.87).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Công Tuyển
Nguyễn Công Tuyển



PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/9/2026 của UBND xã Nguyễn Việt Khái)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm đầu ra (dự kiến)	Thời gian
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo của xã về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06; ban hành Quy chế	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị	Quyết định; Quy chế	2026 và hằng năm
2	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; lồng ghép chỉ tiêu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính.	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị	Kế hoạch hằng năm; bộ chỉ tiêu theo dõi	Hằng năm
3	Rà soát, cập nhật quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin, dữ liệu, chữ ký số và thiết bị CNTT.	Văn phòng HĐND và UBND	Phòng VH-XH; Công an xã; các cơ quan, đơn vị	Quy chế/quy định được ban hành hoặc cập nhật	2026-2027
4	Rà soát hiện trạng thiết bị, mạng nội bộ, đường truyền và nhu cầu trang bị CNTT của xã.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị	Báo cáo hiện trạng; danh mục nhu cầu và phương án đầu tư	2026, cập nhật hằng năm
5	Phối hợp phát triển cáp quang, 4G/5G, xử lý vùng lõm sóng và nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông.	Phòng VH-XH	Các ấp; doanh nghiệp viễn thông	Danh sách vùng lõm; tỷ lệ cáp quang/5G được phủ sóng	2026-2030
6	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu.	Trung tâm PVHCC	Các cơ quan chuyên môn	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả được số hóa, lưu trữ và tái sử dụng	2026-2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm đầu ra (dự kiến)	Thời gian
7	Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và hỗ trợ người dân tại điểm phục vụ.	Trung tâm PVHCC	Tổ CNSCĐ; Bưu điện; các đơn vị	Mức hài lòng của người dân	2026-2030
8	Xử lý hồ sơ công việc điện tử, ký số cá nhân	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; tỷ lệ/danh sách được cấp chữ ký số	2026, duy trì cập nhật
9	Theo dõi tỷ lệ nhiệm vụ do UBND xã, lãnh đạo UBND xã giao trên hệ thống, môi trường số.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị	Sổ/hệ thống theo dõi điện tử, báo cáo tiến độ định kỳ	Thường xuyên
10	Chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu thuộc trách nhiệm của xã; phân công đầu mối dữ liệu theo lĩnh vực.	Các cơ quan, đơn vị cập nhật dữ liệu theo lĩnh vực ngành phụ trách	Phòng VH-XH	Danh mục dữ liệu; tỷ lệ dữ liệu phát sinh được cập nhật đúng hạn	Thường xuyên
11	Khai thác cơ sở dữ liệu dân cư, đất đai và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo phân quyền.	Các cơ quan chuyên môn	Công an xã; cơ quan cấp tỉnh	Dữ liệu được khai thác, tái sử dụng đúng quy định	Thường xuyên
12	Phối hợp triển khai nền tảng quản trị tổng thể, KPI và trợ lý AI công vụ khi tỉnh đưa vào sử dụng.	Văn phòng HĐND và UBND; Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị	100% cán bộ có tài khoản/được đào tạo; $\geq 70\%$ thường xuyên sử dụng công cụ thông minh	Khi cấp trên triển khai
13	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu và AI cho cán bộ, công chức.	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ/danh sách cán bộ được bồi dưỡng; cán bộ tham mưu CDS được đào tạo chuyên sâu phù hợp	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm đầu ra (dự kiến)	Thời gian
14	Triển khai Bình dân học vụ số; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.	Phòng VH-XH	MTTQ, đoàn thể; Tổ CNSCĐ; trường học	Tỷ lệ/ danh sách tham gia học tập trên nền tảng	Thường xuyên cập nhật
15	Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp.	Phòng VH-XH	Các ấp; MTTQ và đoàn thể	Quyết định kiện toàn Tổ CNSCĐ; kế hoạch, nhật ký và kết quả hoạt động	Hàng năm
16	Hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công, chữ ký số cá nhân, tài khoản thanh toán và Sổ sức khỏe điện tử.	Tổ CNSCĐ	Công an xã; Trạm Y tế; ngân hàng; doanh nghiệp	Tỷ lệ/danh sách người dùng được hướng dẫn, hỗ trợ	2026-2030
17	Tuyên truyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện tin giả, lừa đảo, deepfake và sử dụng dịch vụ số an toàn.	Công an xã	Trung tâm Công ích; Phòng VH-XH; Tổ CNSCĐ	Chuyên đề/tin bài/tài liệu và các buổi hướng dẫn	Hàng năm
18	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán số.	Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH; ngân hàng; doanh nghiệp	Số lượng; tỷ lệ số doanh nghiệp, HTX, HKD có ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh	2026-2030
19	Hỗ trợ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng quảng bá số, mã QR, truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường.	Phòng Kinh tế	Các chủ thể; doanh nghiệp công nghệ	Danh sách sản phẩm và kênh số được thiết lập, duy trì	2026-2030
20	Thí điểm và nhân rộng mô hình chuyển đổi số trong nông nghiệp, thủy sản, thương mại - dịch vụ.	Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH; doanh nghiệp; các ấp	Số mô hình phù hợp được đánh giá, nhân rộng	2027-2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm đầu ra (dự kiến)	Thời gian
21	Triển khai Sổ sức khỏe điện tử và ứng dụng số phục vụ chăm sóc sức khỏe.	Trạm Y tế	Các ấp; Tổ CNSCĐ	Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử	2026-2030
22	Phát triển học liệu số, kỹ năng số và ứng dụng AI có trách nhiệm trong trường học.	Các trường học	Phòng VH-XH	Kế hoạch chuyên ngành; cán bộ, giáo viên, học sinh được hướng dẫn	2026-2030
23	Duy trì Trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh và mạng xã hội chính thống phục vụ truyền thông số.	Trung tâm Công ích, Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan, đơn vị	Tin, bài, chuyên mục; tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận thông tin chính thống	Thường xuyên
24	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày hội toàn dân học tập số.	Phòng VH-XH	MTTQ, đoàn thể; trường học; các ấp	Kế hoạch và hoạt động hưởng ứng thiết thực	Hàng năm
25	Đo lường, thống kê, báo cáo chỉ tiêu chuyển đổi số; sơ kết, tổng kết và đề xuất khen thưởng.	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị	Báo cáo 6 tháng, năm; hồ sơ minh chứng; sơ kết/tổng kết	Định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cấp trên